TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- **Thư ký phiên tòa**: Ông **Đỗ Thanh Phong -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà*:* Ông **Ngô Thành Khánh Duy** - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, thị xã Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 17/4/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng, kéo dài không hàn gắn được. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2016 và Nguyễn Mộc Chí D, sinh ngày 05/02/2014. Cháu Nguyễn Ngọc Kim C hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị A, cháu Nguyễn Mộc Chí D hiện đang sống cùng anh Nguyễn Văn B, nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim C, giao cháu Nguyễn Mộc Chí D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, theo Bản tự khai ngày 26/01/2024, anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị A về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân. Nay tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2016 và Nguyễn Mộc Chí D, sinh ngày 05/02/2014. Hiện cháu Nguyễn Mộc Chí D đang sống cùng anh và cháu Nguyễn Ngọc Kim C đang sống cùng chị Nguyễn Thị A. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mộc Chí D, giao cháu Nguyễn Ngọc Kim C cho chị Nguyễn Thị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B có mâu thuẫn kéo dài từ năm 2017 không hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên việc chị Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim C, giao cháu Nguyễn Mộc Chí D cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có. Xét yêu cầu của chị A là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, anh Nguyễn Văn B bản khai và có Đơn xin vắng tại phiên họp kiểm tra việc nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về thực trạng hôn nhân: Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị A trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện. Anh chị sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Anh chị ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị A yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[5] Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn B có bản tự khai ngày 26/01/2024, xác định nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2017 và anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị A. Do đó, việc chị Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị trình bày thống nhất có 02 người con tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2016 hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị A và Nguyễn Mộc Chí D, sinh ngày 05/02/2014, hiện đang sống cùng anh Nguyễn Văn B. Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và đồng ý giao cháu D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, anh Nguyễn Văn B cũng thống nhất với với chị Nguyễn Thị A về vấn đề con chung.

Xét yêu cầu của anh chị là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[6] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Nhận định ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 12/9/2016 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Mộc Chí D, sinh ngày 05/02/2014 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0007027 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án; anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Löu hoà sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh